Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-07 16:38:58 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 229/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) quy định tại Điều 64 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Quỹ

1. Góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới, giải quyết hiệu quả bài toán phát triển kinh tế - xã hội ở quy mô quốc gia, có tính liên ngành, liên vùng thông qua tài trợ, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; hình thành tri thức nền; góp phần làm chủ được một số công nghệ lõi, công nghệ cao, công nghệ chiến lược; phát triển đội ngũ nhà khoa học tài năng, nhà khoa học trẻ, nhóm nghiên cứu mạnh; hình thành được một số trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có uy tín trong khu vực và quốc tế.

3. Định hình mô hình quỹ tài trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bảo đảm tính độc lập, minh bạch, cạnh tranh theo chuẩn mực quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ

1. Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo đảm tuân thủ pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch và định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia; bảo đảm tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, gắn quyền hạn với trách nhiệm giải trình của tập thể và cá nhân.

2. Hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ được thực hiện thông qua đánh giá chuyên môn độc lập, bảo đảm tự chủ học thuật, khách quan, công khai, minh bạch và cạnh tranh; tuân thủ liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; bảo đảm không trùng lặp với các nguồn ngân sách khác; phòng ngừa và kiểm soát xung đột lợi ích; áp dụng chuẩn mực quốc tế; gắn với nhu cầu của thị trường, xác định doanh nghiệp là trung tâm.

3. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ được bố trí hằng năm trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn lực để thực hiện. Việc giao dự toán và cấp kinh phí cho Quỹ được thực hiện theo tổng mức và không gắn với danh mục nhiệm vụ cụ thể tại thời điểm giao dự toán và cấp kinh phí. Ngân sách nhà nước sử dụng cho tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ được bố trí theo nguyên tắc giảm dần tương ứng với mức độ hoàn thiện của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Việc quản lý, sử dụng, phân bổ và điều chỉnh kinh phí được thực hiện theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 Nghị định này.

4. Quỹ thực hiện quản lý hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ dựa trên kết quả đầu ra, hiệu quả và tác động; bảo đảm hài hòa giữa nghiên cứu có tính kế thừa, rủi ro thấp với nghiên cứu có tính tiên phong, đột phá, rủi ro cao; chấp nhận rủi ro khoa học, rủi ro công nghệ trong phạm vi có kiểm soát; bảo đảm khuyến khích sáng tạo và đổi mới, tôn trọng quy luật khách quan và đặc thù của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; có cơ chế khuyến khích đối với nhà khoa học nữ theo quy định.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ trong xây dựng kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá và công khai việc sử dụng nguồn lực tài chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Chương II
ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ

Điều 5. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (tên giao dịch quốc tế: National Foundation for Science and Technology Development; viết tắt:

NAFOSTED) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chức năng của Quỹ

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia có chức năng:

1. Tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Tiếp nhận và quản lý các nguồn lực tài chính:

a1) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

a2) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước theo thỏa thuận với bên đóng góp (nếu có), quy định về tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ;

b) Thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động, chức năng của Quỹ, hỗ trợ quản lý nhà nước trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật;

g) Chuyển đổi số toàn diện công tác điều hành, quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, bảo đảm minh bạch và kịp thời; quản lý, vận hành và khai thác các nền tảng số hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Là cơ quan quản lý nhiệm vụ để tổ chức triển khai các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ phù hợp với mục tiêu hoạt động, chức năng của Quỹ, kế hoạch ngân sách được phê duyệt theo quy định pháp luật về việc quản lý các chương trình, nhiệm vụ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả, tác động việc thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;

c) Đình chỉ hoặc trình cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, cấp kinh phí hoặc thu hồi kinh phí đã tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, cấp phát khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Nghiên cứu, tham mưu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, định hướng ưu tiên và các văn bản khác phục vụ quản lý, triển khai hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ;

đ) Ban hành Quy chế hoạt động và các văn bản khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ thuộc thẩm quyền theo quy định;

e) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ;

g) Tham gia, thực hiện cơ chế liên kết đồng tài trợ với các quỹ, doanh nghiệp hoặc tổ chức khác trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; cùng với các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác hình thành hệ sinh thái tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông suốt từ trung ương đến địa phương; hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tổ chức quốc tế liên quan đến các hoạt động của Quỹ;

h) Được đàm phán, thỏa thuận hợp tác, ký kết hợp đồng; đặt hàng; thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân trong và ngoài nước để tư vấn hoạt động quản lý, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ;

i) Được thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm: Hội đồng Tư vấn chiến lược, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành.

2. Hội đồng Tư vấn chiến lược giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc định hướng chiến lược, chính sách, ưu tiên dài hạn của Quỹ theo quy định pháp luật và Nghị định này.

3. Ban Kiểm soát có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát hoạt động của Quỹ.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, quy định cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phương thức làm việc của Hội đồng Tư vấn chiến lược, Ban Kiểm soát.

Điều 9. Hội đồng Tư vấn chiến lược

1. Hội đồng Tư vấn chiến lược giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc định hướng chiến lược, chính sách, ưu tiên của Quỹ theo quy định pháp luật và quy định tại Nghị định này.

2. Hội đồng Tư vấn chiến lược có nhiệm vụ như sau:

a) Tư vấn định hướng chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn của Quỹ phù hợp với chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ;

b) Tư vấn định hướng nội dung ưu tiên tài trợ, hỗ trợ của Quỹ trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia đã được phê duyệt;

c) Tư vấn đổi mới mô hình, công cụ và phương thức tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ theo thông lệ quốc tế;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng Tư vấn chiến lược có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên, là các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước, nhà quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, đại diện doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng Tư vấn chiến lược làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực, phòng ngừa xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật. Hội đồng Tư vấn chiến lược do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng Tư vấn chiến lược là 05 năm.

4. Hội đồng Tư vấn chiến lược làm việc theo chương trình, kế hoạch hằng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Kiểm soát việc tuân thủ mục tiêu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này;

b) Giám sát, đánh giá mức độ phù hợp giữa định hướng chiến lược, các ưu tiên trong hoạt động của Quỹ với kết quả thực hiện trên cơ sở các chỉ số đầu ra, tác động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Giám sát việc bảo đảm công khai, minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích trong hoạt động của Quỹ;

d) Kiểm soát hoạt động tài chính của Quỹ để đảm bảo tuân thủ định hướng, nguyên tắc phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính, đặc biệt là đánh giá mức độ phù hợp giữa kết quả hoạt động và việc sử dụng nguồn lực của Quỹ với mục tiêu, định hướng chiến lược đã được xác định;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

3. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, bao gồm Trưởng ban và thành viên, là các chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, pháp lý, quản lý khoa học do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát là 05 năm.

4. Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, theo nguyên tắc độc lập, khách quan, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến chuyên môn của mình; tuân thủ quy định về phòng ngừa xung đột lợi ích và bảo mật thông tin, chỉ sử dụng thông tin thu thập được phục vụ mục đích kiểm tra, giám sát.

5. Ban Kiểm soát có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm soát.

Điều 11. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật; là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tổ chức triển khai các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ và quản lý hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị định này;

b) Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ, tổ thẩm định kinh phí, tổ chuyên gia, đoàn đánh giá và các hội đồng tư vấn, hỗ trợ chuyên môn khác để thực hiện tư vấn, xử lý rủi ro tài chính, đánh giá trong quá trình triển khai và đánh giá tác động sau khi kết thúc hoạt động tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Quỹ;

c) Quyết định tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;

d) Ký kết, tổ chức thực hiện hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật;

đ) Ký kết, tổ chức thực hiện các thỏa thuận, văn bản hợp tác trong nước và quốc tế của Bộ Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực, phạm vi thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao làm căn cứ để thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng được quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP), Nghị định này và triển khai các hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ khác của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Ban hành các quy chế hoạt động và các văn bản khác phục vụ hoạt động của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền;

g) Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý được giao; quyết định điều chỉnh kế hoạch tài chính trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao; tổ chức phân bổ, điều chỉnh kinh phí theo quy định tại Điều 32 Nghị định này;

h) Phê duyệt kế hoạch tài chính của Quỹ, tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính, tài sản, nhân lực của Quỹ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn khác theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và theo quy định của pháp luật.

3. Phó Giám đốc Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành một số lĩnh vực công tác theo phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ là bộ phận giúp việc của Giám đốc Quỹ được xây dựng theo nguyên tắc tinh gọn, chuyên nghiệp, phù

hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

5. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Quỹ được ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác; đặt hàng; thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân trong và ngoài nước để tư vấn hoạt động quản lý, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ.

Chương III
TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quỹ tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ nghiên cứu cơ bản đến sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm hoàn thiện, ổn định công nghệ, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ), bao gồm:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia quy định tại điểm a và b khoản này;

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt; nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển công nghệ chiến lược; nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển công nghệ cao; nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển công nghệ lõi; nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển công nghệ số; các nhiệm vụ do Chính phủ hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ giao tài trợ, đặt hàng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này.

2. Quỹ tổ chức thực hiện việc tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Nghị định này.

3. Tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cung cấp kết quả đánh giá và nhận xét tóm tắt của phản biện, của Hội đồng khoa học và công nghệ đối với hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ. Việc cung cấp thông tin bảo đảm nguyên tắc bảo mật danh tính chuyên gia phản biện độc lập, thành

viên Hội đồng khoa học và công nghệ, bảo đảm tính độc lập của đánh giá khoa học nhưng không làm thay đổi kết quả đánh giá khoa học.

Điều 13. Đồng tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo mô hình 3 Nhà (Nhà nước - Doanh nghiệp - Tổ chức khoa học và công nghệ)

1. Quỹ tham gia tài trợ, đặt hàng tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mô hình 3 Nhà phù hợp với quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc đồng tài trợ, đặt hàng được thực hiện theo giai đoạn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc mức độ rủi ro của nhiệm vụ.

3. Đồng tài trợ, đặt hàng là việc hai hoặc nhiều bên cùng tham gia đóng góp nguồn lực phù hợp với thế mạnh của từng bên để tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm, lợi ích và rủi ro. Các dạng nguồn lực được sử dụng trong đồng tài trợ, đặt hàng bao gồm: tài chính, nhân lực, tài sản, công nghệ, các nguồn lực khác đóng góp trực tiếp cho việc thực hiện nhiệm vụ.

4. Việc đồng tài trợ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng chia sẻ trách nhiệm, lợi ích và rủi ro giữa các bên tham gia; bảo đảm phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ và tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, Quỹ xác định tỷ lệ kinh phí và hình thức đồng tài trợ phù hợp với mục tiêu, tính chất, quy mô của nhiệm vụ, khả năng huy động nguồn lực của các bên tham gia và trong phạm vi kế hoạch, dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục đồng tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đồng tài trợ quy định tại Điều này.

Điều 14. Tài trợ, đặt hàng theo kết quả đầu ra của nhiệm vụ

1. Quỹ xem xét thực hiện tài trợ, đặt hàng theo kết quả đầu ra đối với nhiệm vụ có mục tiêu, sản phẩm đầu ra xác định rõ, gắn với nhu cầu ứng dụng, thương mại hóa hoặc làm chủ công nghệ, trên cơ sở chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Việc tài trợ, đặt hàng theo kết quả đầu ra thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ tự ứng kinh phí để triển khai nhiệm vụ theo hợp đồng được ký kết với Quỹ;

b) Quỹ cấp một phần hoặc toàn bộ kinh phí thực hiện khi nhiệm vụ đạt được kết quả, sản phẩm theo cam kết trong hợp đồng được ký kết với Quỹ;

c) Mức kinh phí tài trợ, đặt hàng gắn với mức độ hoàn thành kết quả, sản phẩm và tác động dự kiến; không bù đắp chi phí, khoản lỗ hoặc rủi ro phát sinh không gắn với kết quả đạt được.

3. Mức kinh phí tài trợ, đặt hàng; điều kiện, phương thức xác nhận kết quả; thời điểm, hình thức chi trả và các nội dung có liên quan được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Quỹ và tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với mục tiêu, tính chất, quy mô và mức độ rủi ro của nhiệm vụ.

4. Trường hợp nhiệm vụ không đạt được kết quả, sản phẩm theo cam kết trong hợp đồng, Quỹ không có trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ; tổ chức, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm đối với phần chi phí đã ứng, trừ trường hợp hợp đồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc tài trợ, đặt hàng theo kết quả đầu ra quy định tại Điều này không làm phát sinh nghĩa vụ khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ ngân sách nhà nước; không thay thế các hình thức tài trợ, đặt hàng khác của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Điều 15. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ thực hiện chức năng tư vấn, đánh giá trong hoạt động xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và tư vấn các nội dung khác phục vụ hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ làm việc theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực, bảo đảm tự chủ học thuật, bảo mật thông tin và phòng ngừa xung đột lợi ích; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Quỹ về tính khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp đối với ý kiến tư vấn khoa học của mình. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo quy chế do Giám đốc Quỹ ban hành.

3. Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực, hướng nghiên cứu được đánh giá; bảo đảm cơ cấu đa ngành, liên ngành. Thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ có thể bao gồm nhà khoa học, chuyên gia Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài.

4. Giám đốc Quỹ quyết định việc thành lập, giải thể Hội đồng khoa học và công nghệ; quyết định danh sách thành viên, nhiệm kỳ hoặc thời hạn hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ theo tính chất, phạm vi và yêu cầu của từng chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

5. Hội đồng khoa học và công nghệ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; kết luận, kiến nghị của Hội đồng khoa học và công nghệ là căn cứ để Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được bảo đảm từ nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương IV
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Điều 16. Nội dung hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia

1. Quỹ thực hiện hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, bao gồm:

a) Các hoạt động được quy định tại điểm a đến điểm m khoản 1 Điều 42 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Hoạt động bồi dưỡng và phát triển năng lực nghiên cứu;

c) Hỗ trợ hình thành, phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi;

d) Hỗ trợ hoạt động kiểm chứng công nghệ;

đ) Vinh danh, tặng thưởng cho tổ chức, tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Thực hiện hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ khác theo quy định của Chính phủ.

2. Nội dung hỗ trợ, điều kiện, tiêu chí xem xét hỗ trợ của các hoạt động tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định từ Điều 43 đến Điều 54 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung hỗ trợ, điều kiện, tiêu chí xem xét hỗ trợ của hoạt động từ điểm b đến điểm đ khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định từ Điều 17 đến Điều 20 của Nghị định này.

Điều 17. Hoạt động bồi dưỡng và phát triển năng lực nghiên cứu

1. Quỹ hỗ trợ tổ chức các hoạt động bồi dưỡng và phát triển năng lực nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, thúc đẩy trao đổi học thuật và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Tổ chức khóa bồi dưỡng, huấn luyện, nâng cao năng lực nghiên cứu;

b) Tổ chức các chương trình huấn luyện, bồi dưỡng ngắn hạn về các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến; ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học);

c) Mời nhà khoa học, chuyên gia có uy tín trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy, trao đổi học thuật và hướng dẫn nghiên cứu;

d) Hỗ trợ chi phí tổ chức, tài liệu học thuật và các chi phí cần thiết phục

vụ hoạt động huấn luyện, bồi dưỡng;

đ) Hỗ trợ chi phí tham gia trình diễn, giới thiệu và kết nối phát triển công nghệ tại các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc tế.

3. Đối tượng được xem xét hỗ trợ bao gồm tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức khác có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực nghiên cứu.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết điều kiện, tiêu chí xét hỗ trợ, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại Điều này.

Điều 18. Hỗ trợ hình thành, phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi

1. Quỹ hỗ trợ hình thành, phát triển hạ tầng công nghệ bao gồm: nâng cấp, chia sẻ, kết nối phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, nền tảng số, hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, thử nghiệm và kiểm định, phục vụ trực tiếp việc thực hiện các cụm nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi.

2. Đối tượng được Quỹ xem xét hỗ trợ bao gồm: tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng.

3. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Có đề xuất phương án hình thành, phát triển hạ tầng công nghệ bao gồm: nâng cấp, chia sẻ, kết nối phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, nền tảng số, hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, thử nghiệm và kiểm định, phù hợp với định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ;

b) Gắn với nhu cầu thực tiễn của các chương trình, cụm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi;

c) Có phương án khai thác, sử dụng hiệu quả, lâu dài, tránh trùng lặp;

d) Bảo đảm nguyên tắc phối hợp, chia sẻ, kết nối và sử dụng chung hạ tầng công nghệ.

4. Nội dung hỗ trợ bao gồm một hoặc một số hoạt động sau đây:

a) Nâng cấp, hoàn thiện và kết nối phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, cơ sở hạ tầng dùng chung;

b) Hình thành, phát triển và liên thông cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, nền tảng số phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, thử nghiệm và

kiểm định, phục vụ nghiên cứu, phát triển, làm chủ và thương mại hóa công nghệ;

d) Thúc đẩy chia sẻ, khai thác và sử dụng chung hạ tầng công nghệ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan;

đ) Hỗ trợ kinh phí để thuê, sử dụng dịch vụ, thiết bị tại phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo;

e) Mua sắm trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển và sáng tạo công nghệ.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hỗ trợ hoạt động kiểm chứng công nghệ

1. Quỹ hỗ trợ hoạt động nghiên cứu kiểm chứng công nghệ đối với công nghệ có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; sáng chế, giải pháp kỹ thuật, nguyên mẫu công nghệ hoặc công nghệ chuyển giao cần được kiểm chứng trong điều kiện Việt Nam nhằm đánh giá tính khả thi về khoa học, kỹ thuật, hoàn thiện dữ liệu kiểm chứng và đáp ứng yêu cầu sẵn sàng công nghệ đối với giai đoạn hoàn thiện hoặc chuyển giao công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Kiểm chứng nguyên lý công nghệ và thử nghiệm kỹ thuật trong môi trường nghiên cứu có kiểm soát, môi trường giả lập hoặc môi trường thực tế;

b) Đánh giá tính khả thi và khả năng ứng dụng của công nghệ;

c) Hoàn thiện nguyên mẫu và dữ liệu kiểm chứng công nghệ;

d) Xác định mức độ sẵn sàng công nghệ sau khi kiểm chứng và đề xuất hướng phát triển tiếp theo;

đ) Các hoạt động hỗ trợ, bổ trợ phục vụ kiểm chứng công nghệ khi cần thiết.

3. Điều kiện xem xét hỗ trợ

a) Công nghệ thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công nghệ chưa đạt mức độ sẵn sàng công nghệ phù hợp để chuyển sang giai đoạn hoàn thiện hoặc chuyển giao công nghệ;

c) Có phương án kiểm chứng xác định rõ mục tiêu, nội dung, môi trường thử nghiệm, kế hoạch dữ liệu và tiêu chí đánh giá.

4. Tiêu chí xem xét hỗ trợ

a) Tính mới và tiềm năng khoa học và kỹ thuật của công nghệ;

b) Mức độ hoàn thiện hiện tại và tiềm năng nâng cao mức độ sẵn sàng công nghệ sau kiểm chứng;

c) Khả năng ứng dụng và điều kiện triển khai;

d) Năng lực của tổ chức thực hiện, môi trường thử nghiệm và tính hiệu quả dự kiến của việc hỗ trợ;

đ) Tiềm năng thương mại hóa, mức độ hoàn thiện công nghệ và khả năng thu hút nguồn lực xã hội cho giai đoạn tiếp theo.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Vinh danh, tặng thưởng tổ chức, tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quỹ tổ chức thực hiện việc vinh danh, tặng thưởng tổ chức, tập thể, cá nhân trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật, nhằm ghi nhận, tôn vinh các thành tích tiêu biểu, đóng góp thiết thực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

2. Đối tượng được xem xét vinh danh, tặng thưởng bao gồm tổ chức, tập thể, cá nhân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài có một trong các thành tích sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo ra kết quả có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn cao, được cộng đồng khoa học, xã hội hoặc cơ quan có thẩm quyền ghi nhận;

b) Có sáng kiến, giải pháp, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, mô hình công nghệ hoặc mô hình tổ chức khoa học và công nghệ có khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội rõ rệt;

c) Có đóng góp nổi bật trong việc chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Việc vinh danh, tặng thưởng do Quỹ tổ chức thực hiện bảo đảm các nguyên tắc:

a) Công khai, minh bạch, khách quan, dựa trên tiêu chí, quy trình đánh giá rõ ràng;

b) Gắn với kết quả, hiệu quả và tác động của thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Không trùng lặp với các hình thức khen thưởng đã được thực hiện bằng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về hình thức vinh danh, tặng thưởng; nguồn kinh phí thực hiện; tiêu chí, điều kiện; cơ cấu giải thưởng, mức thưởng, chu kỳ, thời điểm tổ chức tặng thưởng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tặng và quyết định vinh danh, tặng thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Các hệ thống số phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quỹ xây dựng, vận hành các hệ thống số phục vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Hệ thống quản lý trực tuyến nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, là một cấu phần của Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu và liên thông thông tin với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Cổng Sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ thực hiện thủ tục tiếp nhận, đánh giá, phân loại, công nhận sáng kiến, sáng kiến đột phá theo quy định;

c) Các mạng lưới chuyên gia khoa học và công nghệ Việt Nam toàn cầu.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Chương V
HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Điều 22. Nguyên tắc hợp tác và hội nhập quốc tế của Quỹ

1. Phục vụ trực tiếp chức năng tài trợ, đặt hàng và hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Dựa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan; bảo đảm phù hợp với chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và định hướng ưu tiên tài trợ của Quỹ.

Điều 23. Tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong khuôn khổ hợp tác quốc tế

1. Quỹ thực hiện tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong khuôn khổ hợp tác quốc tế thông qua cơ chế song phương, đa phương.

2. Quỹ tổ chức thực hiện tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia trong khuôn khổ hợp tác quốc tế theo quy định tại Nghị định này, các văn bản khác có liên quan và theo thỏa thuận với đối tác nước ngoài.

3. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế phải thể hiện rõ các nội dung trao đổi, đàm phán đã thống nhất giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với đối tác nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và/hoặc nội dung trao đổi, đàm phán đã thống nhất giữa Quỹ với đối tác nước ngoài.

Điều 24. Hoạt động hội nhập quốc tế

1. Tham gia, hình thành hoặc đồng sáng lập các mạng lưới các cơ quan tài trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ quốc tế.

2. Thiết lập, tham gia cơ chế công nhận lẫn nhau về quy trình đánh giá, chuyên gia phản biện, tiêu chuẩn khoa học.

3. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các diễn đàn khoa học quốc tế.

4. Trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, kinh nghiệm quản lý tài trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ; tiếp cận, áp dụng và thử nghiệm các mô hình, công cụ tài trợ theo chuẩn mực quốc tế.

5. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuẩn mực quốc tế.

6. Hỗ trợ nhà khoa học, chuyên gia khoa học Việt Nam, nhóm nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp tham gia mạng lưới nghiên cứu quốc tế, chương trình nghiên cứu chung, nhóm nghiên cứu quốc tế, dự án hợp tác song phương và đa phương.

7. Tạo điều kiện để nhà khoa học, chuyên gia khoa học nước ngoài tham gia nghiên cứu, trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

8. Tạo điều kiện, kết nối để nhà khoa học, chuyên gia khoa học nước ngoài tham gia chia sẻ, khai thác và sử dụng chung cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, dữ liệu khoa học và phòng thí nghiệm, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 25. Đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với quốc gia, tổ chức quốc tế

1. Quỹ thực hiện đóng góp kinh phí vào quỹ nghiên cứu chung với quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, trên cơ sở:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và định hướng ưu tiên của Quỹ;

b) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, chia sẻ trách nhiệm, lợi ích và rủi ro giữa các bên tham gia;

c) Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan và quy định của bên đối tác;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong quản lý, sử dụng kinh phí.

2. Quỹ thực hiện đóng góp kinh phí vào quỹ nghiên cứu chung thông qua một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Đóng góp trực tiếp bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được giao và các nguồn tài chính hợp pháp khác của Quỹ;

b) Đóng góp theo từng chương trình, nhiệm vụ, đợt thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng chung với đối tác;

c) Đồng tài trợ theo cơ chế phối hợp giữa các quỹ hoặc tổ chức tài trợ của các quốc gia, tổ chức quốc tế;

d) Các hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với đối tác và quy định của pháp luật.

3. Quỹ xem xét quyết định tham gia đóng góp kinh phí vào quỹ nghiên cứu chung khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thỏa thuận hợp tác, điều ước quốc tế hoặc văn bản hợp tác hợp pháp giữa Quỹ và đối tác;

b) Mục tiêu, nội dung của quỹ nghiên cứu chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

c) Có cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí rõ ràng, minh bạch; có quy định cụ thể về tuyển chọn, đánh giá, giám sát và nghiệm thu nhiệm vụ;

d) Có quy định về phân chia quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu;

đ) Bảo đảm khả năng theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực và tác động của hoạt động hợp tác.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết tiêu chí lựa chọn đối tác, quy trình tham gia, cơ chế quản lý tài chính, giám sát, đánh giá và các nội dung khác có liên quan đến việc đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với quốc gia, tổ chức quốc tế.

Chương VI
QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 26. Trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng

Tổ chức chủ trì và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do

Quỹ tài trợ, đặt hàng có trách nhiệm quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Quản trị rủi ro của Quỹ

1. Quỹ thực hiện phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mức độ rủi ro căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Hội đồng khoa học và công nghệ có trách nhiệm xem xét và xác định phân loại nhiệm vụ theo các mức độ rủi ro trong quá trình đánh giá xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ.

2. Đối với cụm nhiệm vụ, chương trình, Quỹ thực hiện quản trị rủi ro theo danh mục. Việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện kết hợp giữa từng nhiệm vụ thành phần và cụm nhiệm vụ, chương trình, làm căn cứ để quyết định tài trợ, đặt hàng, phân bổ kinh phí.

3. Quỹ quản trị rủi ro theo từng giai đoạn phát triển của nhiệm vụ thông qua các mốc kết quả; việc đánh giá, kiểm soát và xử lý rủi ro được thực hiện tương ứng với từng mốc, làm căn cứ quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ.

4. Quỹ xác định tần suất đánh giá trong kỳ tương ứng với mức độ rủi ro của nhiệm vụ.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khi nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng về việc phát sinh rủi ro, Quỹ thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro bao gồm:

a) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, tổ chức kiểm tra, đánh giá đột xuất đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét khả năng ứng phó và khắc phục hậu quả, xác định nguyên nhân, nội dung, mức độ tác động của rủi ro;

b) Áp dụng phương án khắc phục phù hợp; quyết định điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ; chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp không có phương án phù hợp để ứng phó, khắc phục rủi ro, có căn cứ để khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không khả thi hoặc không cần thiết;

c) Thực hiện xử lý kinh phí theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP);

d) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 8 Điều này.

6. Hồ sơ để xác định rủi ro được chấp nhận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, đặt hàng bao gồm:

a) Báo cáo của tổ chức, cá nhân được tài trợ, đặt hàng về việc phát sinh rủi ro và các biện pháp ứng phó đã thực hiện kèm theo các tài liệu minh chứng;

b) Ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập;

c) Kết quả kiểm tra, đánh giá của Quỹ.

7. Xác định tuân thủ quy trình và chấp nhận rủi ro được thực hiện như sau:

a) Việc xác định tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý nhiệm vụ, quy trình kỹ thuật, nội dung nghiên cứu và các biện pháp phòng ngừa rủi ro được thực hiện thông qua đánh giá chuyên môn của Hội đồng khoa học và công nghệ hoặc chuyên gia độc lập có liên quan.

b) Kết quả đánh giá của Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập phải được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ:

b1) Mức độ tuân thủ quy định, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được phê duyệt;

b2) Các yếu tố khách quan, rủi ro không lường trước được phát sinh trong quá trình thực hiện;

b3) Kết luận về việc nhiệm vụ không đạt mục tiêu (nếu có) là do yếu tố rủi ro được chấp nhận hoặc không được chấp nhận theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

c) Biên bản đánh giá của Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập là căn cứ để Quỹ xem xét:

c1) Quyết định tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

c2) Xem xét việc chấp nhận rủi ro theo quy định của pháp luật;

c3) Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan.

d) Trên cơ sở kết luận của Hội đồng hoặc chuyên gia độc lập về việc tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức chủ trì và cá nhân thực hiện nhiệm vụ, Quỹ xem xét, kết luận cuối cùng về chấp nhận rủi ro và xử lý trách nhiệm hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm giải trình và xử lý vi phạm

a) Việc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

b) Trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu gian lận, cố ý vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Quỹ báo cáo và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Việc chấp nhận rủi ro không miễn trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản này.

Chương VII
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

Điều 28. Nguồn tài chính của Quỹ

1. Ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia hằng năm và không gắn với danh mục nhiệm vụ cụ thể; được Bộ Tài chính thực hiện cấp phát bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi các quỹ của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện chi tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo chức năng của Quỹ quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Khoản kinh phí này của Quỹ được cấp tối đa 03 lần mỗi năm. Kinh phí cấp lần đầu căn cứ vào số kinh phí do Quỹ đề xuất và được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tối thiểu bằng 50% của tổng số kinh phí quy định tại tiểu điểm c1 hoặc c2 điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định này và được giao trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm ngân sách. Các lần cấp kinh phí tiếp theo được xác định trên cơ sở đề xuất của Quỹ và được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt căn cứ vào tiến độ giải ngân kinh phí đã cấp và kế hoạch giải ngân trong giai đoạn tiếp theo. Thời điểm cấp kinh phí lần cuối trước ngày 01 tháng 9 hằng năm trừ trường hợp phát sinh dự toán giao bổ sung cho Quỹ;

b) Kinh phí quản lý của Quỹ được tính từ 05% đến 07% trên tổng dự toán kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hằng năm quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 30 Nghị định này và được tính theo phương pháp lũy tiến từng phần, cụ thể như sau:

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đến 3.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí chi quản lý 07%;

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 3.000 tỷ đồng đến 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí chi quản lý 06%;

Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí chi quản lý 05%;

Kinh phí quản lý được ngân sách nhà nước cấp theo tỷ lệ tương ứng với tổng dự toán kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại tiểu điểm c1 điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định này hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại tiểu điểm c2 điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định này trước ngày 15 tháng 01 hằng năm. Trường hợp kinh phí chi quản lý xác định theo quy định tại điểm này không đủ đáp ứng kinh phí hoạt động của Quỹ (tiền lương theo số biên chế và người lao động có mặt thực tế, chi hoạt động bộ máy theo quy định, chi quản lý nhiệm vụ theo thực tế) do tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trong năm ở mức thấp, thì ngân sách nhà nước bảo đảm cấp đủ kinh phí để Quỹ thực hiện các khoản chi này;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động ngoài kinh phí quy định tại điểm a và điểm b khoản này do cấp có thẩm quyền giao và được giao kinh phí sau khi nhiệm vụ, hoạt động được phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp bằng tiền, hiện vật, tài sản hoặc hình thức hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Các khoản thu từ hoạt động hợp tác, liên kết, đồng tài trợ theo thỏa thuận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ;

c) Lãi tiền gửi, các khoản thu hợp pháp khác theo quy định;

d) Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước tiếp nhận bằng tiền được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại các ngân hàng thương mại. Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, hạch toán, sử dụng đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 29. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

3. Chi hoạt động quản lý điều hành và hoạt động khác của Quỹ, bao gồm:

a) Các nội dung chi quy định tại các khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 Điều 6 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

b) Chi tọa đàm, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn và cập nhật thông lệ quốc tế trong tài trợ, hỗ trợ, đặt hàng và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Chi hoạt động tìm kiếm, kết nối, hình thành hợp tác nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, giải pháp xã hội giữa các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế;

d) Chi tổ chức thực hiện hoạt động vinh danh, tặng thưởng cho tổ chức, tập thể, cá nhân trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;

đ) Chi xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý trực tuyến nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước;

e) Chi tổ chức vận hành, quản lý Cổng Sáng kiến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ tiếp nhận, đánh giá, phân loại, kết nối và hỗ trợ sáng kiến; chi tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ để tiếp nhận, đánh giá, phân

loại, lựa chọn sáng kiến trên Cổng Sáng kiến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

g) Chi xây dựng, quản lý mạng lưới chuyên gia khoa học và công nghệ, tổ chức các hoạt động kết nối chuyên gia khoa học và công nghệ;

h) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế phục vụ hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

i) Chi tham gia, kết nối, trao đổi kinh nghiệm với các quỹ và mạng lưới cơ quan tài trợ, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế theo quy định; chi phí thành viên, phí tham gia và các chi phí liên quan phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế và đồng tài trợ của Quỹ theo quy định của pháp luật;

k) Chi nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, định hướng ưu tiên và các văn bản khác phục vụ quản lý, triển khai tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ của Quỹ;

l) Chi hoạt động của Hội đồng Tư vấn chiến lược và Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ, bao gồm:

l1) Kinh phí chi thù lao cho Hội đồng Tư vấn chiến lược, Ban Kiểm soát;

l2) Chi tổ chức các phiên họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, đoàn ra, công tác trong nước, xây dựng báo cáo tư vấn thực hiện các chức năng của Hội đồng Tư vấn chiến lược; Ban Kiểm soát;

l3) Các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động của Hội đồng Tư vấn chiến lược và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

m) Chi thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí và hiệu quả hoạt động tài chính của Quỹ;

n) Chi hoạt động giám sát, đánh giá hoạt động của Quỹ;

o) Các khoản chi khác phục vụ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Lập, phê duyệt kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động của Quỹ

1. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính

a) Kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm và định hướng ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kế hoạch tài chính được xây dựng theo tổng mức và phân bổ theo từng lĩnh vực bao gồm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp và kinh phí cho các

nhiệm vụ mở mới trong năm kế hoạch; kinh phí quản lý và kinh phí thực hiện nhiệm vụ, hoạt động khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch tài chính và giao dự toán ngân sách nhà nước

a) Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách nhà nước của Quỹ vào dự toán ngân sách của Bộ Khoa học và Công nghệ, gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Căn cứ Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện:

c1) Phê duyệt dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động của Quỹ trong trường hợp tổng mức dự toán ngân sách phân bổ cho Quỹ không thay đổi so với phương án Quỹ đã xây dựng quy định tại điểm a khoản này;

c2) Trường hợp tổng mức dự toán ngân sách nhà nước phân bổ cho Quỹ khác với dự toán Quỹ đã lập quy định tại điểm a khoản này, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo tổng mức dự toán ngân sách cho hoạt động của Quỹ quy định tại khoản 3 Điều này làm cơ sở để Quỹ đề xuất cấp kinh phí quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 28 Nghị định này, đồng thời Quỹ chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong phạm vi tổng mức kinh phí được giao, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này và gửi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ làm cơ sở phê duyệt dự toán cho Quỹ.

3. Lập dự toán ngân sách cho hoạt động của Quỹ

a) Lập dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và/hoặc chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn lực để thực hiện. Việc xác định kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

a1) Năm thứ nhất chưa có số liệu quá khứ, kinh phí trung bình được xác định theo dự kiến kế hoạch của Quỹ; năm thứ hai, trên cơ sở có số liệu của 01 năm trước liền kề, kinh phí trung bình được xác định theo số liệu thực tế của 01 năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến kế hoạch của Quỹ; năm thứ ba, trên cơ sở có số liệu của 02 năm trước liền kề, kinh phí trung bình được xác định theo bình quân số liệu của 02 năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến kế hoạch của Quỹ;

a2) Từ năm thứ tư trở đi, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

b) Dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia được lập trên cơ sở số lượng dự kiến nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, phù hợp với định hướng, chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước và/hoặc chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền dự kiến phát sinh cần bố trí nguồn lực để thực hiện;

c) Việc lập dự toán kinh phí quản lý hoạt động của Quỹ, bao gồm kinh phí quản lý điều hành quy định tại điểm a, b khoản 10 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và kinh phí phục vụ trực tiếp công tác quản lý, tổ chức thực hiện các chức năng của Quỹ quy định tại Điều 6 Nghị định này được thực hiện hằng năm trên cơ sở tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ dự kiến được ngân sách nhà nước cấp trong năm và mức tỷ lệ kinh phí chi quản lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định này;

d) Việc lập dự toán đối với các nhiệm vụ, hoạt động khác của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Điều 31. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

2. Cấp kinh phí

a) Quỹ cấp kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 12 Nghị định này theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Trường hợp cấp theo tiến độ, việc cấp kinh phí gắn với các mốc thực hiện theo hợp đồng giao nhiệm vụ;

b) Kinh phí hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia quy định tại Điều 16 Nghị định này được chuyển một lần hoặc theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

3. Quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Quỹ thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí để theo dõi tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật kế toán và pháp luật có liên quan.

b) Quỹ thực hiện quyết toán với ngân sách nhà nước đối với số kinh phí ngân sách nhà nước cấp bằng lệnh chi tiền để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ quy định khoản 1 Điều 28 Nghị định này trên cơ sở số kinh phí thực chi được Bộ Tài chính cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi các quỹ của Quỹ tại Kho bạc Nhà nước trong năm ngân sách.

4. Quyết toán kinh phí với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại các tiểu điểm c1, c2, c3, c4 điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

5. Hồ sơ quyết toán kinh phí với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia bao gồm: Quyết định phê duyệt hỗ trợ; hợp đồng hỗ trợ; kết quả đánh giá nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động khi kết thúc; biên bản thanh lý hợp đồng; Bảng quyết toán kinh phí hỗ trợ.

6. Quỹ có trách nhiệm:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

b) Kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

7. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Phân bổ và điều chỉnh kinh phí của Quỹ

1. Việc phân bổ, điều chỉnh và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Quỹ được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Phù hợp với mục tiêu, định hướng ưu tiên, kế hoạch hoạt động của Quỹ đã được phê duyệt;

c) Gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, tiến độ và hiệu quả sử dụng kinh phí;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

2. Giám đốc Quỹ quyết định phân bổ kinh phí đến từng nhiệm vụ khoa học, công nghệ trên cơ sở:

a) Tổng mức kinh phí ngân sách nhà nước được giao;

b) Kế hoạch tài chính của Quỹ đã được phê duyệt;

c) Kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, đặt hàng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Điều chỉnh kinh phí trong quá trình thực hiện:

a) Giám đốc Quỹ được chủ động điều chỉnh phân bổ kinh phí giữa các nhiệm vụ trong phạm vi tổng dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, trên cơ sở: Kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ; tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân; hiệu quả dự kiến và mức độ đáp ứng mục tiêu, định hướng ưu tiên; yêu

cầu thực tiễn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

b) Việc điều chỉnh quy định tại điểm a khoản này phải bảo đảm: Không làm thay đổi tổng mức kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; không làm sai lệch mục tiêu, định hướng ưu tiên đã được phê duyệt; tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Trường hợp nội dung điều chỉnh khác với quy định tại điểm a và b khoản này, Quỹ có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

4. Phân bổ kinh phí đối với nhiệm vụ phát sinh, nhiệm vụ ưu tiên

a) Trong phạm vi dự toán được giao, Quỹ được chủ động bố trí kinh phí để thực hiện

a1) Nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu thực tiễn;

a2) Nhiệm vụ tiềm năng, nhiệm vụ có tính đột phá;

a3) Nhiệm vụ cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

b) Việc bố trí kinh phí quy định tại khoản này phải

b1) Phù hợp với mục tiêu, định hướng ưu tiên đã được phê duyệt;

b2) Bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích và chịu trách nhiệm giải trình.

5. Cơ chế quản lý theo kết quả

Việc phân bổ và điều chỉnh kinh phí được thực hiện theo nguyên tắc quản lý theo kết quả tổng thể của hoạt động tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ và bảo đảm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Kết quả đánh giá nhiệm vụ là căn cứ để:

a) Điều chỉnh mức kinh phí trong quá trình thực hiện;

b) Quyết định việc tiếp tục, mở rộng hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

c) Làm cơ sở ưu tiên phân bổ kinh phí trong các năm tiếp theo.

6. Công khai, báo cáo và kiểm tra, giám sát

a) Quỹ có trách nhiệm:

a1) Công khai việc phân bổ, điều chỉnh kinh phí theo quy định của pháp luật;

a2) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính về tình hình phân bổ, điều chỉnh và sử dụng kinh phí;

a3) Cung cấp thông tin phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định.

b) Việc phân bổ, điều chỉnh kinh phí được thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình.

Điều 33. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách của Quỹ

1. Phương thức tiếp nhận nguồn kinh phí

a) Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp bằng tiền, tổ chức, cá nhân tài trợ thực hiện chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại theo quy định;

b) Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp bằng hiện vật, tài sản hoặc dưới các hình thức khác, việc tiếp nhận được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Quỹ và bên tài trợ, hiến, tặng cho; nội dung thỏa thuận phải thể hiện rõ mục đích, phạm vi, điều kiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

2. Thẩm quyền phê duyệt và ký kết việc tiếp nhận

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt việc tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trường hợp khoản tài trợ, đóng góp, hiến, tặng cho không đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho bên tài trợ về việc không tiếp nhận.

Đối với các khoản viện trợ của nước ngoài, việc tiếp nhận và sử dụng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

b) Giám đốc Quỹ quyết định phê duyệt việc tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong nước. Trường hợp khoản đóng góp không đủ điều kiện tiếp nhận, Quỹ có trách nhiệm thông báo cho bên tài trợ, hiến, tặng cho về việc không tiếp nhận;

c) Quỹ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp chuẩn bị hồ sơ, văn bản tiếp nhận đối với các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, bảo đảm tiến độ, chất lượng và nội dung theo quy định;

d) Giám đốc Quỹ thực hiện ký kết văn bản, thỏa thuận tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho với bên tài trợ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc tiếp nhận, hạch toán và quản lý nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

a) Quỹ có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn

kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng đối tượng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ, bảo đảm hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước phải được hạch toán, theo dõi riêng, phản ánh đầy đủ, kịp thời trong sổ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán hằng năm của Quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán;

c) Việc tiếp nhận hiện vật, tài sản hoặc dịch vụ có giá trị phải được định giá, ghi nhận, quản lý và sử dụng đúng mục tiêu, điều kiện của bên tài trợ, hiến, tặng cho hoặc theo nội dung thỏa thuận tiếp nhận.

4. Nguyên tắc sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

a) Quỹ được chủ động xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm và quyết định việc phân bổ, sử dụng các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân tài trợ và quy chế chi tiêu nội bộ đã được phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Việc chi tiêu từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, chịu sự kiểm tra, giám sát và kiểm toán theo quy định của pháp luật; không áp dụng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu của ngân sách nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Quỹ được sử dụng nguồn thu hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước, bao gồm lãi tiền gửi, để chi cho các hoạt động: tăng cường năng lực tổ chức; hợp đồng chuyên gia; đào tạo, truyền thông; bổ sung thu nhập tăng thêm; chi phúc lợi tập thể và các khoản hỗ trợ hợp pháp khác cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ; không bị giới hạn bởi mức trần áp dụng đối với cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật;

đ) Nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo mục tiêu đã xác định và được hạch toán đầy đủ trong báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ.

5. Việc lập kế hoạch, dự toán, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước của Quỹ được thực hiện theo thỏa thuận tài trợ, hợp tác đã ký kết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo, giám sát và kiểm tra

a) Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước của Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, quyết toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về kế toán, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Kinh phí quản lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định này được giao tự chủ, hạch toán là nguồn thu của Quỹ và được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

3. Định kỳ 2 năm 1 lần, Quỹ thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí và đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của Quỹ. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong dự toán chi hoạt động quản lý của Quỹ.

4. Kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia không sử dụng hết theo kế hoạch trong năm tài chính được điều chỉnh cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia khác trong năm.

5. Trường hợp ngân sách nhà nước chưa cấp hoặc cấp không kịp thời kinh phí cho Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định này, Quỹ được phép tạm thời sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách chưa sử dụng để cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia đảm bảo tiến độ triển khai và quyết toán nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng phải bảo đảm hoàn trả, hạch toán và quyết toán đầy đủ theo quy định.

6. Kinh phí chưa sử dụng hết trong năm ngân sách được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 35. Giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình

1. Giám sát nội bộ

a) Quỹ thiết lập hệ thống giám sát nội bộ để theo dõi việc tuân thủ quy định pháp luật, quy chế hoạt động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính trong tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ;

b) Việc giám sát bao gồm cả giám sát định kỳ, đột xuất và hậu kiểm độc

lập sau khi kết thúc chương trình, nhiệm vụ, hoạt động. Kết quả giám sát được công khai theo quy định và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

a) Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện đánh giá độc lập về hiệu quả tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, mức độ đạt được mục tiêu chiến lược, hiệu quả sử dụng kinh phí;

b) Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, phân bổ nguồn lực và cải tiến quản trị.

3. Trách nhiệm giải trình của Quỹ

a) Quỹ có trách nhiệm công khai thông tin về tài chính đối với các hoạt động thuộc phạm vi quản lý và điều hành của Quỹ;

b) Định kỳ hằng năm Quỹ có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động trên cơ sở các kết quả thực hiện tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, giải ngân và chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quốc gia gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về phương thức, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ.

Điều 36. Xử lý rủi ro về tài chính của Quỹ

Khi phát sinh vướng mắc trong việc thu hồi kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Quỹ thực hiện xử lý rủi ro tài chính như sau:

1. Nguyên tắc xử lý rủi ro

a) Đúng quy định pháp luật;

b) Có căn cứ rõ ràng, minh bạch;

c) Có hồ sơ xác minh, ý kiến của Hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

2. Các trường hợp rủi ro về tài chính bao gồm:

a) Kết quả của nhiệm vụ không đạt được mục tiêu đề ra;

b) Thiệt hại về tài sản, thiết bị, kinh phí do sự kiện bất khả kháng;

c) Tổ chức chủ trì bị giải thể, phá sản hoặc không còn tư cách pháp nhân hợp lệ;

d) Không thu hồi được kinh phí tạm ứng do nguyên nhân chính đáng.

3. Các hình thức xử lý rủi ro bao gồm:

a) Miễn, giảm, giãn thời gian hoàn trả;

b) Khoanh nợ, xóa nợ (trong trường hợp phá sản);

c) Không thu hồi tạm ứng còn lại;

d) Không phạt vi phạm, không tính lãi chậm nộp.

4. Việc xử lý rủi ro không làm thay đổi trách nhiệm giải trình của tổ chức chủ trì về việc sử dụng kinh phí.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.

3. Bãi bỏ cụm từ "Điều 64;" tại khoản 1 Điều 1 và bãi bỏ Mục 2 Chương III Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

4. Kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, kinh phí quản lý hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được xác định theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp kinh phí đã được giao theo Nghị định số 265/2025/NĐ-CP thấp hơn mức quy định tại Nghị định này, thì phần chênh lệch được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản bãi bỏ, thay thế.

2. Giao Giám đốc Quỹ thực hiện thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và các văn bản quy định chi tiết có liên quan cho đến khi nhiệm vụ kết thúc.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng